

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 271/2025/DS-ST
Ngày 18/12/2025
V/v: “T/c hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trọng Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Kim Ngọc;

2. Bà Trần Thị Bé Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Phước Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – Cần Thơ.

Ngày 18/12/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Cần Thơ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2025/TLST-DS, ngày 11/02/2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 186/2025/QĐXXST-DS, ngày 21/11/2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Đoàn Thanh T, sinh năm: 1989; địa chỉ: , phường A, quận X, thành phố Hồ Chí Minh. Nay là A đường B, phường B, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt

- **Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Đoàn Thanh T:**

1. Bà Trần Thị Cẩm H, sinh năm: 2002; địa chỉ: ấp A, xã T, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang. Nay là ấp A, xã V, thành phố Cần Thơ. (Theo Giấy ủy quyền số công chứng XXXXX ngày YYYYYY của Văn phòng công chứng Bùi Quang Nhơn). Có mặt

2. Ông Huỳnh Thanh P, sinh năm: 1974; địa chỉ: ấp L, xã V, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang. Nay là ấp L, xã V, thành phố Cần Thơ. (Theo Giấy ủy quyền số công chứng XXXXX ngày YYYYYY của Văn phòng công chứng Bùi Quang Nhơn). Có mặt

3. Bà Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1984; địa chỉ liên hệ: A. Toà nhà B, số AAAA Trần Cao V, phường H, thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Giấy ủy quyền số công chứng XXXXX/XXXX/CCGD do Văn phòng Công chứng An Phú chứng nhận ngày YYYYYY). Có mặt

- **Bị đơn:** Bà Ngô Thị Thùy T2, sinh năm: 1985; địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang (cũ). Nay là: ấp A, xã B, thành phố Cần Thơ. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/01/2025 nguyên đơn bà Đoàn Thanh T trình bày: Do bị đơn bà Ngô Thị Thùy T2 có mối quan hệ làm ăn với Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu MQ, do chồng của nguyên đơn ông Đỗ Minh Q làm chủ nên từ đầu năm 2021 bà T2 có hỏi mượn của nguyên đơn số tiền là 1.000.000.000 đồng. Đến tháng 7/2021, là thời điểm cao trào của dịch Covid nên bà T2 viện khó khăn, dịch bệnh không thu tiền hàng được và năn nỉ nguyên đơn cho mượn thêm 1.000.000.000 đồng nữa để chuộc xe để làm P tiện đi phân phối hàng hóa và T2 trải trong sinh hoạt. Do tin tưởng bà T2 nên nguyên đơn tiếp tục cho bà T2 mượn thêm 1.000.000.000 đồng, cả hai lần nguyên đơn đều chuyển vào số tài khoản 070079039789 của bà T2. Kể từ ngày mượn tiền cho đến nay, nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bà T2 phải trả lại cho nguyên đơn nhưng bà T2 cứ hẹn và không thực hiện việc trả nợ.

Do vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bị đơn bà Ngô Thị Thùy T2 phải trả số tiền 2.000.000.000 đồng và lãi suất phát sinh với mức lãi suất 10%/năm kể từ ngày 01/01/2021 đến ngày 20/01/2025 là 4 năm với số tiền lãi phát sinh là 796.800.000 đồng.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị Cẩm H trình bày: Bà Đoàn Thanh T khởi kiện bà Ngô Thị Thùy T2 yêu cầu bà T2 trả lại 02 tỷ đồng đã vay của bà T, đồng thời bà T yêu cầu bà T2 trả lãi với mức lãi suất 10%/năm, thời gian tính lãi từ ngày 01/3/2022 đến 24/01/2025.

Do bà T2 có mối quan hệ làm ăn với chồng bà T là ông Quân nên có quen biết, tin tưởng mới cho vay tiền. Bà T cho bà T2 vay 02 lần, cụ thể:

- + Lần thứ nhất vào ngày 13/01/2021, bà T cho bà T2 vay 01 tỷ đồng.
- + Lần thứ 2 vào ngày 07/7/2021, bà T cho bà T2 vay 01 tỷ đồng.

Cả 2 lần vay không lập văn bản, có tin nhắn xác nhận trên messenger của ứng dụng mạng xã hội facebook. Cả 2 lần cho vay bà T đều chuyển khoản cho bà T2. Bà sẽ bổ sung cho Tòa án ngay sau buổi làm việc hôm nay vì bằng các tin

nhấn giữa bà T2 và bà T trên facebook. Khi cho vay không có thỏa thuận lãi suất bằng văn bản, về thời gian trả nợ bà T chưa nói nên bà chưa biết, bà sẽ bổ sung sau. Từ khi cho vay lần 1 đến nay cả 2 khoản vay bà T2 chưa trả lãi, chưa trả vốn cho bà T.

Ý kiến người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Huỳnh Thanh P trình bày: Tôi thống nhất lời trình bày của bà Cẩm Hiền.

Tại phiên tòa, những người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Ngô Thị Thùy T2 trả cho nguyên đơn số tiền 2.000.000.000 đồng đã vay, chỉ yêu cầu tính lãi suất tính từ ngày 01/7/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 10%/năm theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Ngô Thị Thùy T2 trình bày: Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà không đồng ý. Bà cho rằng không có vay tiền của nguyên đơn. Số tiền 2.000.000.000 đồng mà bà T nói là tiền hàng chuyển qua lại giữa bà với bà T, số tiền hàng này bà cũng đã trả xong, không còn nợ bà T số tiền nào cả. Bà vẫn giữ nguyên lời trình bày tại phiên làm việc ngày 21/3/2025 và các văn bản ý kiến của bà đã nộp cho Tòa án.

Tại phiên tòa bị đơn không thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn thừa nhận có nhận số tiền 2.000.000.000 đồng như nguyên đơn trình bày nhưng bị đơn xác định đây là tiền hàng thanh toán qua lại và bị đơn đã thanh toán đầy đủ cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền đã mượn là 2.000.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật. Xét nội dung thỏa thuận ghi nhận ý chí của các bên khi xác lập hợp đồng là mượn tài sản, nhưng đối tượng của hợp đồng là vật tiêu hao (tiền), nên cần xác định đây là hợp đồng vay tài sản, và

vay không có lãi. Đồng thời, bị đơn có địa chỉ cư trú tại ấp 2, xã Vị Thủy, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang (cũ) nên Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy nay là Tòa án nhân dân khu vực 11 – Cần Thơ thụ lý giải quyết vụ án với quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 2.000.000.000 đồng đã vay và trả lãi theo lãi suất pháp luật qui định, thời gian tính lãi từ ngày 01/7/2023. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến trình bày của bị đơn Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn thừa nhận và nguyên đơn cũng thống nhất nội dung đó là: Bị đơn có mượn và nhận của nguyên đơn tổng cộng hai lần số tiền 2.000.000.000 đồng cụ thể: Lần 01, vào ngày 13/01/2021, nguyên đơn có chuyển khoản cho bị đơn số tiền 1.000.000.000 đồng; Lần 02, vào ngày 07/7/2021 nguyên đơn có chuyển khoản cho bị đơn số tiền 1.000.000.000 đồng. Số tài khoản người nhận 070079039789 tên Ngô Thị Thùy T2 mở tại Ngân hàng Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) – Chi nhánh Hậu Giang. Số tài khoản người chuyển 061788888888 tên Đoàn Thanh T mở tại Ngân hàng Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) – Chi nhánh Bình Thạnh, Phòng giao dịch Bình Lợi. Đây là tình tiết, sự kiện được các bên thừa nhận nên không phải chứng minh.

[2.2] Tuy nhiên, bị đơn cho rằng số tiền 2.000.000.000 đồng qua 02 lần bị đơn nhận chuyển khoản nêu trên từ nguyên đơn là tiền thanh toán mua bán hàng hóa mỹ phẩm qua lại giữa nguyên đơn và bị đơn cụ thể; Lần 01, vào ngày 12/01/2021 bị đơn thanh toán 1.000.000.000 đồng tiền mặt cho nguyên đơn tại nhà máy sản xuất mỹ phẩm MQ. Qua ngày 13/01/2021 nguyên đơn chuyển khoản lại cho bị đơn 1.000.000.000 đồng nhưng không trừ vào đơn hàng của bị đơn thanh toán ngày 12/01/2021. Lần 02, vào ngày 06/7/2021 bị đơn cọc tiền hàng cho nguyên đơn 2.000.000.000 đồng (hình thức thanh toán: 400.000.000 đồng chuyển khoản và 1.600.000.000 đồng bị đơn nhờ bà Nguyễn Thị Biển Lâm đem tiền mặt để cọc trực tiếp cho nguyên đơn). Qua ngày 07/7/2021 nguyên đơn

chuyển khoản ngược lại cho bị đơn 1.000.000.000 đồng. Đây chỉ là tiền hàng hóa qua lại chứ không phải tiền mượn.

[2.3] Xét lời trình bày của bị đơn tại mục [2.2] không được nguyên đơn thừa nhận. Hơn nữa, lời trình bày của bị đơn cũng không phù hợp, và mâu thuẫn với các tài liệu do bị đơn cung cấp cụ thể là; Giữa bị đơn và Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu MQ do ông Đỗ Minh Q (chồng của nguyên đơn) là người đại diện theo pháp luật có Hợp đồng phân phối hàng hóa thể hiện qua “Hợp đồng phân phối hàng hóa” do bị đơn cung cấp. Theo đó, căn cứ vào các điều khoản của hợp đồng và cụ thể tại Điều 3 của hợp đồng thì cũng không có việc người bán hàng phải chuyển tiền ngược lại cho người mua hàng như lời của bị đơn trình bày. Ngoài ra, bị đơn cho rằng số tiền bị đơn chuyển cho nguyên đơn vào ngày 12/01/2021 và ngày 06/7/2021 để khấu trừ số tiền nguyên đơn chuyển cho bị đơn vào ngày 13/01/2021 và ngày 07/7/2021 là hoàn toàn không phù hợp về mặt thời gian tức là trả trước số tiền đã nhận. Mặt khác, bị đơn cho rằng số tiền nguyên đơn yêu cầu là tiền mua hàng nhưng quá trình giải quyết vụ án bị đơn cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Cho nên, lời trình bày của bị đơn là không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Do đó, có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thanh T, buộc bị đơn bà Ngô Thị Thùy T2 trả cho nguyên đơn bà Đoàn Thanh T số tiền là 2.000.000.000 đồng.

[2.5] Về yêu cầu tính lãi của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy rằng: Hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có thỏa thuận về lãi suất. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị đơn thừa nhận vào tháng 6/2022 thì nguyên đơn có yêu cầu bị đơn trả số tiền tranh chấp nêu trên nhưng bị đơn không thống nhất vì bị đơn cho rằng không còn nợ nguyên đơn. Như vậy, việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ tháng 03/2022 là không có căn cứ. Tuy nhiên, tại phiên tòa đại diện nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi từ thời điểm 01/7/2023 là phù hợp với quy định của pháp luật nên có căn cứ để chấp nhận. Do đó, số tiền lại bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền tính từ ngày 01/7/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (18/12/2025) là: $02 \text{ năm } 05 \text{ tháng } 17 \text{ ngày} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 2.000.000.000 \text{ đồng} = 490.806.667 \text{ đồng}.$

[2.6] Như vậy, tổng tiền gốc và lãi bị đơn bà Ngô Thị Thùy T2 phải trả cho nguyên đơn bà Đoàn Thanh T là 2.490.806.667 đồng.

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Ngô Thị Thùy T2 phải chịu án phí theo quy định 81.873.973 đồng. Nguyên đơn được nhận tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Các đương sự được kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, 6, 26, 35, 39, 91, 92, 147, 200, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468, Điều 469 Bộ luật dân sự 2015.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thanh T đối với yêu cầu bị đơn bà Ngô Thị Thùy T2 trả số tiền 2.000.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất quy định của pháp luật tính từ ngày 01/7/2023 đến ngày 18/12/2025.

2. Buộc bị đơn bà Ngô Thị Thùy T2 có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Đoàn Thanh T tiền gốc là 2.000.000.000 đồng và 490.806.667 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả số tiền trên thì hàng tháng bị đơn còn phải chịu lãi suất do chậm trả đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, mức lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc bà Ngô Thị Thùy T2 phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 81.816.1333 đồng. Bà Đoàn Thanh T được nhận lại 43.698.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009108 ngày 11/02/2025

của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 – Cần Thơ).

4. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại địa P nơi cư trú.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND khu vực 11 – Cần Thơ;
- THADS TP Cần Thơ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Trọng Nghĩa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND H.Vị Thủy;
- Chi cục THADS H.Vị Thủy;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục THADS huyện Vị Thủy;
- Các đương sự;
- Công TTĐT Tòa án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Trọng Nghĩa

